

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**CHI CỤC TRỒNG TRỌT**  
**VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số: 346 /BC-CCTTBVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO**

**Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

(Từ ngày 01 tháng 3 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG**

**1. Tình hình thời tiết**

- Thời tiết từ ngày 01 tháng 3 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024: Nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn từ 0,5°C - 1,5°C so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ. Tổng lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ đến thiếu hụt từ 20 - 50mm so với TBNN cùng thời kỳ.

- Dự báo tình hình thời tiết từ ngày 01 - 30 tháng 4 năm 2024: Xu thế nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 1,0°C - 2,0°C. Nhiệt độ trung bình từ 29°C - 30°C. Tổng lượng mưa phổ biến thấp hơn từ 30 - 60mm so với TBNN cùng thời kỳ. Giá trị tổng lượng mưa 20 - 40 mm.

**2. Tiết độ sản xuất cây trồng**

**a) Cây lúa**

Vụ Đông xuân 2023 - 2024		Vụ Hè thu 2024	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mạ	-	Mạ	82,0
Đẻ nhánh	30,0	Đẻ nhánh	-
Làm đồng	35,0	Làm đồng	-
Trổ	5,0	Trổ	-
Chín	174,0	Chín	-
Thu hoạch	4.013,0	Thu hoạch	
<b>Tổng</b>	<b>4.257,0</b>	<b>Tổng</b>	<b>82,0</b>

**b) Cây trồng khác**

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
<b>1. Cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024</b>		<b>8.116,8</b>	<b>2. Hoa, cây kiểng</b>	Nhiều giai đoạn	<b>1.742</b>
- RALNN	Nhiều giai đoạn	2.088,1	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	810
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	677,1	<b>3. Cây lương thực</b>		<b>438,4</b>
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	578,0	Bắp	Thu hoạch	409,1
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	276,8	Khoai mì	Sinh trưởng	27,2
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	231,7	<b>4. Cây công nghiệp</b>	Nhiều giai đoạn	<b>1.460,8</b>

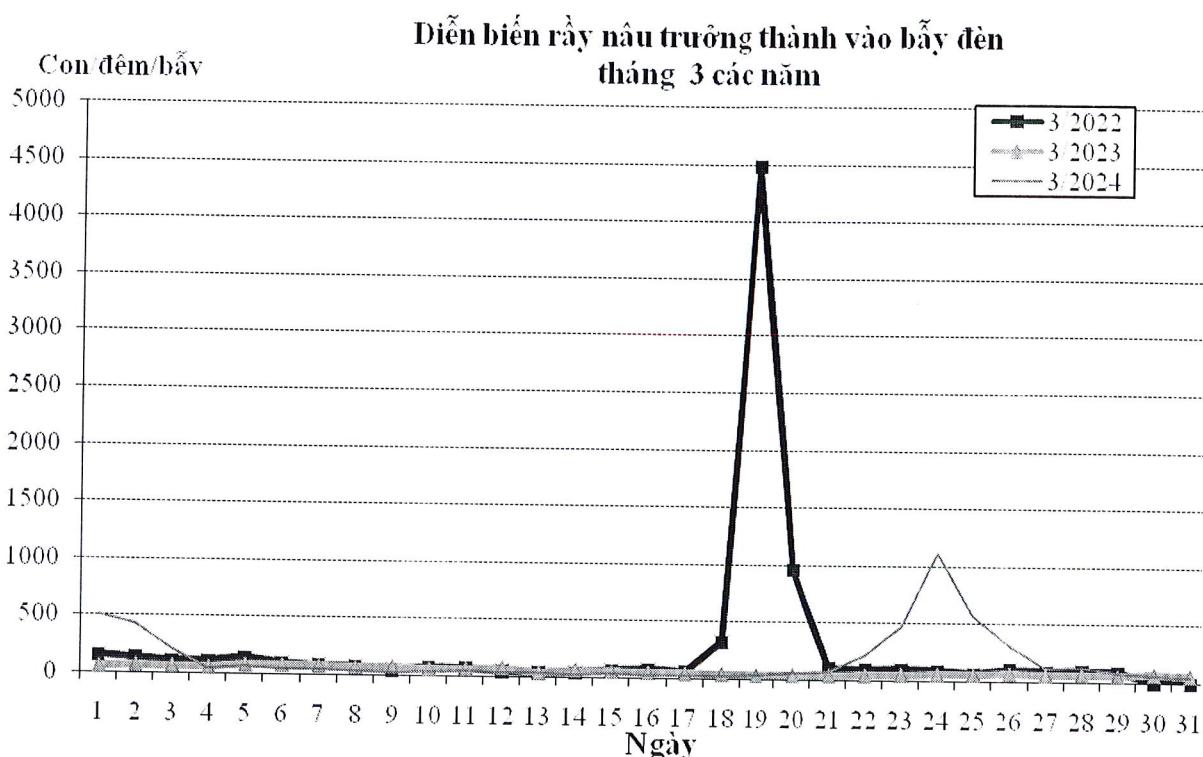
Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
- RMN	Nhiều giai đoạn	2.295,2			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU VÀ THIÊN ĐỊCH

### 1. Số liệu theo dõi côn trùng (rầy nâu) vào bẫy đèn tháng 03/2024

Loại bẫy: bẫy đèn quạt hút trên cây lúa



## III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

### 1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại (SVGH) chủ yếu

#### 1.1 Cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu ( $\text{c}/\text{m}^2$ ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cực bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	10-25			1-5	CC
2	Bọ xít hôi	3-6			1-3	HM,CC
3	Sâu phao	10-20			1-5	BT
4	OBV	2-4			Các giai đoạn	CC, HM, BT
5	Chuột	3-5			Các giai đoạn	CC, HM, BT
6	Đạo ôn	5-10%			1-3	CC, HM, BT
7	Đóm vằn	10-15%			1-3	HM, CC

Ghi chú: OBV: Óc bươu vàng; CC: Củ Chi, HM: Hóc Môn, BC: Bình Chánh, BT: Bình Tân

## 1.2 Cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu ( $c/m^2$ ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phô biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	10-20			1-5	HM,Q12,BC,BT
2	Sâu xanh	5-10			1-5	HM,Q12,CC,BC,BT
3	Sâu tơ	10-25			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	15-30%			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	5-10%			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	3-10			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	15-30%			1-5	BC, CC
8	Rầy mềm	15-30%			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	TĐ, HM, Q12
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đợt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	5-10%			1-5	BC, CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
16	Óc sên	3-6			Các giai đoạn	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	5-10%			1-3	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	2-5%			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đốm lá	5-10%			1-3	HM, Q12, BC
20	Ph.vàng/dura leo, khổ qua	2-10			1-3	HM
21	Vàng lá	10-20			1-3	TĐ, HM

## 2. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

### 2.1 Cây lúa

- Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 233,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (838,0 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi và Hóc Môn. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm sâu cuốn lá, bọ xít hôi và bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ. Trong đó:

+ Diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024 là 221,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (810,0 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi và Hóc Môn. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm sâu cuốn lá, bọ xít hôi và bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

+ Diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây lúa vụ Hè thu 2024 là 12,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (28,0 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi. Sinh vật gây hại chủ yếu gồm óc bươu vàng và chuột ở mức nhiễm nhẹ.

- Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 2.848,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (3.285,0 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi và Hóc Môn. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm sâu cuốn lá, bọ xít hôi bọ trĩ, sâu phao, óc bươu vàng, chuột và bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

## 2.2 Cây rau

- Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tháng là 442,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (631,6 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 1.092,9 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, vàng lá và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

+ Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 130,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (125,2 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, Quận 12 và thành phố Thủ Đức.

+ Sâu xanh: Diện tích nhiễm 72,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (70,6 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

+ Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 37,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (21,8 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Bình Chánh.

+ Dòi đục lá: Diện tích nhiễm 29,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (20,4 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

+ Bệnh rỉ trắng: Diện tích nhiễm 30,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (35,8 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn và thành phố Thủ Đức.

+ Bệnh vàng lá: Diện tích nhiễm 6,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (7,9 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, thành phố Thủ Đức.

- Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 1.862,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (1.962,9 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 4.766,2 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, dòi đục lá, sâu tơ, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, vàng lá và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

## 2.3 Cây hoa kiêng

- Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại là 27,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (27,8 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiêng là 26,2 lượt ha chiếm 97,1% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

+ Cây hoa lan: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 13,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (12,6 ha).

+ Cây hoa mai: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 12,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (14,5 ha).

+ Cây hoa khác: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước (0,7 ha).

- Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây hoa kiêng là 122,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (142,2 ha), diện tích phòng trừ từ đầu năm đến nay là 118,0 lượt ha.

## 2.4 Cây trồng khác

- Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

- Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khâm lá.

- Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

## **IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

### **4.1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

#### **a) Cây lúa**

- Thường xuyên theo dõi mật số rầy trên đồng ruộng và mật số rầy vào đèn để chủ động trong công tác phòng trừ rầy nâu trên lúa. Khuyến cáo nông dân thăm đồng, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép), có thể sử dụng một trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nấm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Không nên phun phòng rầy, đặc biệt đối với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch săn cỏ trên đồng và tránh dịch hại bùng phát vào giai đoạn sau.

- Lúa Đông Xuân 2023-2024 trên đồng phần lớn đã thu hoạch nên tình hình sinh vật hại không đáng kể. Chú ý ốc bươu vàng gây hại đối với lúa Hè Thu mới xuống giống <15 ngày sau sạ.

#### **b) Cây rau**

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ, dòi đục lá. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đóm lá, vàng lá.

#### **c) Cây hoa kiêng**

- Cây hoa lan: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đóm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- Cây hoa mai: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

#### **d) Các loại cây trồng khác**

- Cây khoai mì: Cần lưu ý bệnh khăm lá virus trên cây khoai mì. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sắn giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- Cây dừa: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đóm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

### **4.2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Hè thu năm 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khâm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Thực hiện tốt công văn 2033/BVTV-TV ngày 9 tháng 8 năm 2023 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa của Cục Bảo vệ thực vật.

- Thực hiện Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./. *Lê Quang Lộc*

**Нơi nhận:**

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Tp.Thủ Đức, Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT, Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Lê Quang Lộc**

**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỀM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2023 - 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số: 346/BC-CCTTBVTV, ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-) CKNT	DT phòng trù (ha)	Phân bố	
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuồn lá	53,0			53,0	97,2	9,5		HM,CC
2	Bọ xít hôi	57,5			57,5	85,9	14,9		HM,CC
3	Sâu phao	1,0			1,0	33,2	0,3		BT
4	Đạo ôn	57,5			57,5	92,6	15,5		HM,CC,BT
5	Đỗm vẫn	52,9			52,9	76,1	9,0		HM,CC,BT
6	OBV	-			-	835,0	747,0	-	
7	Chuột	-			-	115,0	12,6	-	
8	Vàng lá	-			-	-	1,0	-	
9	Lem lêp hạt	-			-	-	0,2	-	
	<b>Tổng</b>	<b>221,9</b>			<b>221,9</b>	<b>1.335</b>	<b>810,0</b>		

**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Phụ lục II**  
**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU**  
(Kèm theo Báo cáo số: **ĐK/C** /BC-CCTTBVTV, ngày **08 tháng 4** năm 2024 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-) Kỳ trước	DT phòng trù (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bọ nhảy	22,9			22,9	21,7	25,4	64,0
2	Sâu xanh	72,3			72,3	79,8	70,6	194,4
3	Sâu tơ	18,6			18,6	18,0	17,6	45,7
4	Dòi đục lá	29,4			29,4	31,4	20,4	60,8
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,8	7,2
6	Sâu ăn tắp	130,0			130,0	129,3	125,2	334,8
7	Bọ trĩ	37,6			37,6	32,6	21,8	85,4
8	Rầy mềm	1,1			1,1	1,1	1,3	4,0
9	Rầy xanh	25,9			25,9	24,9	17,2	51,0
10	Rầy xám	15,4			15,4	15,5	22,4	30,7
11	Bọ phấn	15,0			15,0	13,0	12,0	34,0
12	Sâu đục đợt	0,7			0,7	0,7	1,1	2,8
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	4,0	TD
14	Ruồi đục trái	18,9			18,9	18,8	18,6	47,4
15	OBV	-			-	208,6	208,5	-
16	Óc sên	0,6			0,6	0,6	0,6	2,0
17	Tnhün/r.cái	5,5			5,5	7,6	7,7	11,1
18	Rỉ trắng/RM	30,7			30,7	30,5	35,8	86,7
19	Dòm lá	5,7			5,7	4,8	10,6	15,3
20	Ph.vàng/dua leo, khô qua	0,6			0,6	1,1	1,1	1,2
21	Vàng lá	6,1			6,1	6,1	7,9	14,3
	<b>Tổng</b>	<b>442,8</b>			<b>442,8</b>	<b>651,9</b>	<b>631,6</b>	<b>1.092,9</b>

CHI CỤC TRỌNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIÊM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIẾNG**  
 (Kèm theo Báo cáo số: **ĐKTC/BC-CCTTBVTV**, ngày **08 tháng 4 năm 2024** của Chi cục TTBVTV)

**Phụ lục III**

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-) Kỳ trước	DT phòng trừ (ha)	Phân bón	
		Nhẹ-Th	Nặng	MT					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I</b>	<b>Hoa lan</b>	<b>13,38</b>			<b>13,38</b>	<b>14,6</b>	<b>12,6</b>	<b>12,6</b>	
1	Muỗi hại bông	4,07			4,07	4,9	5,1	3,9	
2	Nhện đỏ	0,30			0,30	0,3	0,3	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,14			0,14	0,1	0,1	0,1	CC,BC
4	Bọ trĩ	0,80			0,80	0,8	0,6	0,7	CC,BC
5	Óc sên	0,20			0,20	0,2	0,2	0,2	TD,CG
6	Đombo lá	3,51			3,51	3,7	2,6	3,3	TD, HM,Q12,CC,CG,Q7
7	Khô đầu lá	1,55			1,55	1,8	1,5	1,6	TD,CG,Q7
8	Thói nhũn	1,26			1,26	1,3	0,9	1,1	CC,BC,CG,Q7
9	Đombo đen	0,45			0,45	0,5	0,4	0,3	CC
10	Vàng lá	0,70			0,70	0,7	0,7	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,20			0,20	0,2	0,1	0,2	BC
12	Rêu xanh	0,20			0,20	0,2	0,1	0,2	TD
<b>II</b>	<b>Hoa mai</b>	<b>12,9</b>			<b>12,9</b>	<b>15,2</b>	<b>14,5</b>	<b>12,9</b>	
1	Nhện đỏ	1,54			1,54	1,5	2,4	1,5	TD, HM,Q12,CG
2	Sâu ăn lá	4,67			4,67	4,3	4,0	4,7	TD, HM,Q12,CC,BC,CG
3	Bọ trĩ	2,24			2,24	2,0	3,4	2,2	TD, HM,Q12,CC,CG,BC
4	Sâu đục thân	0,01			0,01	0,0	0,1	0,0	HM
5	Rệp vảy	0,10			0,10	0,1	-	0,1	HM,Q12
6	Rầy xanh	1,80			1,80	1,5	0,8	1,8	BC
7	Chay lá	-			-	3,3	1,4	-	-
8	Mộc cam	0,35			0,35	0,4	0,4	0,4	CG
9	Nấm hồng	1,20			1,20	1,2	1,1	1,2	BC,BT
10	Rong rêu	1,00			1,00	1,0	1,0	1,0	TD
<b>III</b>	<b>Cây hoa khác</b>	<b>0,7</b>			<b>0,7</b>	<b>0,7</b>	<b>0,7</b>	<b>0,7</b>	TD,CC,BC,BT,CG
	<b>Tổng cộng</b>	<b>26,98</b>			<b>26,98</b>	<b>30,5</b>	<b>27,77</b>	<b>26,20</b>	

**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

